TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 01 - 2026
V/v: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mẫn
2. Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang không tham gia phiên Tòa.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 506/2025/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Văn Mười B, sinh năm: 1976

Địa chỉ: khóm 4, xã Cái Đôi V, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị Tuyền, sinh năm: 1981

Địa chỉ: ấp Ngọc V, xã Ngọc C, tỉnh An Giang

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn anh Trần Văn Mười B trình bày: Anh và chị T tự tìm hiểu quen biết trước, được gia đình hai bên tổ chức lễ vướng vào năm 2019 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa anh và chị T không có hạnh phúc, nên xét thấy không thể nào tiếp tục chung sống với chị T được nữa nên anh yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh xác định anh và chị Tkhông có con chung.

Về tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn chị Trần Thị T trình bày: Thống nhất với trình bày của anh Mười B về hôn nhân không có đăng ký kết hôn và không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung anh Mười B không yêu cầu Toà án giải quyết chị cũng thống nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự tố tụng: Anh Trần Văn Mười B khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị T nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Trần Thị T với tư cách là bị đơn có nơi cư trú tại xã Ngọc Chúc, tỉnh An Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Ang Giang.

Nguyên đơn anh Mười B và bị đơn chị T có đơn xin vắng mặt tại Tòa án nên theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang tiến hành xét xử vắng mặt anh Mười B và chị T là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn Mười B và chị Trần Thị T chung sống với nhau và được gia đình tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật thừa nhận. anh Mười B có yêu cầu ly hôn chị T, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận anh Trần Văn Mười B và chị Trần Thị T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Anh Mười B và chị T cùng xác định anh chị không có con chung nên Toà án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Mười B và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm anh Trần Văn Mười B phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Mười B đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011099 ngày 08/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Anh Mười B đã nộp đủ án phí nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a và b khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14

của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Trần Văn Mười B và chị Trần Thị T là vợ chồng

2. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

4. Về án phí: Buộc anh Trần Văn Mười B phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Mười B đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0011099 ngày 08/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Anh Mười B đã nộp đủ án phí nên không phải nộp thêm.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 (mười lăm) ngày, được tính kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục thi hành án;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Thị Cẩm Hương